| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 86/2026/DS-ST<br>Ngày 13-02-2026.<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Hồng Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trịnh Chí Công.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2025/TLST-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1979 (CCCD số 096179005898, cấp ngày 07/02/2023 - Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị U, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Chí L, sinh năm 1973 (CCCD số 096073007115, cấp ngày 12/8/2021- Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2025 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Vào ngày 29/11/2024 âm lịch bà có cho bà Trần Thị U vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy cam kết vay tiền do bà U ký tên. Đến ngày 22/01/2025 âm lịch bà có cho bà U vay thêm số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 1.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận trả

tiền trong 01 tháng. Sau khi vay nhưng không nhớ thời gian thì bà U có đóng được cho bà 1.500.000 đồng tiền lãi, từ đó đến nay không trả vốn và đóng lãi. Do đó, bà yêu cầu giải quyết buộc bà Trần Thị U trả số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ từ tháng 02/2025 âm lịch đến tháng 10/2025 âm lịch, lãi suất 1,66%/tháng tương đương 10 tháng tiền lãi với số tiền 3.840.000 đồng, tổng số vốn và lãi là 26.840.000 đồng trong tiền vốn 23.000.000 đồng, lãi 3.840.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày làm đơn khởi kiện 08/12/2025 đến ngày xét xử xong vụ án. Tại đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện ngày 12/02/2026 bà H chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà U trả số tiền vốn vay còn nợ theo biên nhận ngày 29/11/2024 âm lịch là 20.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/01 tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý đối trừ 1.500.000 đồng tiền lãi bà U đã đóng.

Bị đơn bà Trần Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Lê Thị H.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Chí L trình bày: Ông và vợ ông có cho bà U vay số tiền 23.000.000 đồng, nay bà H khởi kiện bà U đòi lại tiền thì ông không có ý kiến hay tranh chấp gì với bà H về số tiền trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà H khởi kiện bà U trả số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà U cư trú tại ấp B, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nói trên là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2025, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U trả số tiền vốn và lãi là 26.840.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/12/2025 đến ngày xét xử xong vụ án. Tại đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện ngày 12/02/2026 bà H chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà U trả số tiền vốn vay còn nợ là 20.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/01 tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, bà H yêu cầu giải quyết buộc bà U trả số tiền vốn vay còn nợ là 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H có cung cấp một Giấy cam kết vay tiền ngày 29/11/2024 âm lịch

do bà U ký xác lập, nội dung thể hiện bà U có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng đúng như bà H trình bày. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà U không có ý kiến phản đối với nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà H cung cấp. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà U có vay của bà H số tiền vốn vay 20.000.000 đồng nên bà H khởi kiện yêu cầu buộc bà U trả số tiền vốn vay còn nợ 20.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Tại biên nhận ngày 29/11/2024 âm lịch thể hiện giữa các bên có thỏa thuận lãi suất, do đó việc bà H yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Từ ngày 29/11/2024 âm lịch tương đương ngày 29/12/2024 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 13/02/2026, thời gian vay 13 tháng 15 ngày, mức lãi suất 1,66%/01 tháng, được số tiền lãi là 4.482.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 24.482.000 đồng - 1.500.000 đồng = 22.982.000 đồng nên còn lại số tiền vốn và lãi bà U phải trả cho bà H là 22.982.000 đồng.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà U trả cho bà H số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 22.982.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H được Tòa án chấp nhận nên bà U phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà Trần Thị U trả cho bà Lê Thị H số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 22.982.000 (Hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi hai ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Trần Thị U phải chịu số tiền 1.149.000 đồng. Bà Lê Thị H đã nộp tạm ứng án phí là 671.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006017 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nay hoàn trả lại toàn bộ cho bà Lê Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Huệ**